TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **391**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở.

2. Ông Nguyễn Thành Thông.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5247/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thế Trường A, sinh năm 1986; Địa chỉ: 68/4 Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vu T, sinh năm 1980; Quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: Hoa Kỳ. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/03/2024 và bản tự khai, nguyên đơn bà Lưu Thế Trường A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh năm 2018 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 14/12/2018. Sau khi kết hôn, giữa bà và ông Vu T không có thời gian chung sống lâu dài nên phát sinh nhiều mâu thuẫn khiến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Trong khoảng thời gian đó, ông Vu T có về Việt Nam thăm bà và có liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng; nhưng đến năm 2022 thì giữa bà và ông Vu T không còn liên lạc. Do thời gian xa cách kéo dài nên tình cảm vợ chồng không, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ gia đình, nên bà đề nghị được ly hôn với ông Vu T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Lưu Thế Trường A khai không có.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Lưu Thế Trường A khai không có.

Vì bận việc, bà Lưu Thế Trường A yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản tự khai đã được chứng nhận tại Đại sứ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ngày 28/8/2024 bị đơn ông Vu T xác nhận lời trình bày của bà Lưu Thế Trường A về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay bà Lưu Thế Trường A xin ly hôn, ông Vu T đồng ý được ly hôn với bà A. Do điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn, ông Vu T yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lưu Thế Trường A và ông Vu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Quận A1, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 142 ngày 14/12/2018. Theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Lưu Thế Trường A và ông Vu T là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; Bị đơn hiện cư trú tại nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bản tự khai của ông Vu T đã được chứng nhận Đại sứ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại San Francisco, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ ngày 28/8/2024 nên được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lưu Thế Trường A. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà A và ông Vu T thì thực tế sau khi kết hôn hai bên không có thời gian chung sống nên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết

được. Từ khi kết hôn cho đến nay giữa bà A và ông Vu T xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay, bà A và ông Vu T đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà A yêu cầu được ly hôn ông Vu T là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Lưu Thế Trường A và ông Vu T khai không có. Tòa không xét.

Tài sản chung, nợ chung: Bà Lưu Thế Trường A và ông Vu T khai không có. Tòa không xét.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lưu Thế Trường A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Lưu Thế Trường A và ông Vu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà Lưu Thế Trường A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thế Trường A được ly hôn ông Vu T.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Lưu Thế Trường A phải chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Lưu Thế Trường A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004964 ngày 10/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lưu Thế Trường A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Lưu Thế Trường A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Vu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/20b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên